

Số: 21/2019/QĐST-HNGĐ

Tp. K, ngày 25 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 652/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; sinh năm 1979. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Đức H; sinh năm 1975. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 200/30 Huỳnh Đăng T, thành phố K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Hồ Đức H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị H và anh Hồ Đức H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung:*

Hai con: Hồ Thu Thảo và Hồ Thu N cùng sinh ngày 12/12/1997, đã trưởng thành tự lập.

Giao con chung Hồ Trần Tiến D, sinh ngày 21/9/2007 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Hồ Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

- *Cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung*: Không có.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị H phải nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0002468 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị H 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tp K;
- TAND tỉnh K.
- UBND xã Hoài C- Hoài N- B ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Hoài